

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC
SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 .**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thanh Cảnh	Chủ tịch
Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Thành viên
Bà Nguyễn Phước Giáng Hương	Thành viên
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên
Bà Lê Thanh Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Giám đốc
Ông Vũ Anh Đức	Phó Giám đốc
Ông Dương Hiến Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Bách	Phó Giám đốc

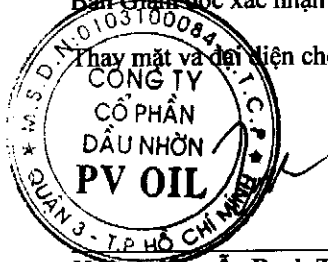
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2015

Số: 0038 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 7 năm 2015, từ trang 03 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 26, trong kỳ báo cáo, cơ quan thuế đã tiến hành thanh tra thuế tại Công ty theo Quyết định số 0182 ngày 01 tháng 6 năm 2015 cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014. Qua kết quả làm việc sơ bộ của Công ty với cơ quan thuế, Công ty có thể phải nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng cùng với các khoản phạt hành chính và chậm nộp có liên quan. Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa ghi nhận khoản chi phí này vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Công ty chưa xác định được giá trị này một cách đáng tin cậy.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc chưa ghi nhận khoản chi phí thuế bổ sung như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khắc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 7 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.877.991.563	180.523.234.196
I. Tiền	110		9.924.308.094	9.666.460.847
1. Tiền	111	5	9.924.308.094	9.666.460.847
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	55.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	55.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.105.264.877	49.902.010.324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.111.666.289	24.234.822.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.239.580.607	1.559.084.170
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	27.159.887.899	27.381.012.881
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.278.083.740)	(3.681.207.117)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		872.213.822	408.297.784
IV. Hàng tồn kho	140	9	48.982.202.500	65.032.013.778
1. Hàng tồn kho	141		48.982.202.500	65.032.013.778
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.866.216.092	922.749.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.359.271.077	566.437.348
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		506.945.015	356.311.899
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.483.974.485	46.121.152.612
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.000.000	56.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		38.000.000	56.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.620.965.839	13.313.661.021
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.118.517.314	11.746.596.186
- Nguyên giá	222		54.646.047.836	54.306.194.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.527.530.522)	(42.559.598.666)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.502.448.525	1.567.064.835
- Nguyên giá	228		3.201.978.600	3.201.978.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.699.530.075)	(1.634.913.765)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	500.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.825.008.646	32.251.491.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	30.825.008.646	32.251.491.591
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		175.361.966.048	226.644.386.808

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

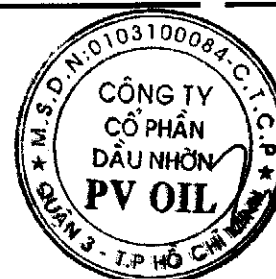
MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	Trình bày lại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		79.649.702.734	128.834.276.063
I. Nợ ngắn hạn	310		79.649.702.734	128.834.276.063
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	45.468.259.631	68.287.155.083
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		738.662.168	381.896.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	3.137.948.724	2.131.033.263
4. Phải trả người lao động	314		738.049.528	2.562.198.068
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.048.466.327	3.780.712.296
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	82.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	27.518.316.356	26.608.781.090
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	25.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.712.263.314	97.810.110.745
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	95.712.263.314	97.810.110.745
1. Vốn cổ phần	411		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.799.053.092	1.799.053.092
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.707.928.570	3.997.092.364
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		205.281.652	3.013.965.289
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		58.183.681	2.600.009.306
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		147.097.971	413.955.983
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		175.361.966.048	226.644.386.808

Thái Thị Ban Mai
Người lập biểu

Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2015

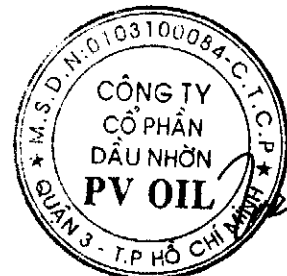
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	
			Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	150.410.528.605	262.557.781.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	12.809.523.075	3.941.478.127
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	137.601.005.530	258.616.303.871
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	115.916.207.569	232.548.284.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		21.684.797.961	26.068.019.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	938.898.219	1.842.833.398
7. Chi phí tài chính	22	23	759.891.468	968.129.572
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		583.980.919	862.680.627
8. Chi phí bán hàng	24		10.414.447.019	14.389.379.196
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.065.508.289	12.357.349.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		383.849.404	195.994.125
11. Thu nhập khác	31		2.258	352.950.802
12. Chi phí khác	32		166.304.695	7.232.023
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(166.302.437)	345.718.779
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		217.546.967	541.712.904
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	70.448.996	127.756.921
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		147.097.971	413.955.983
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	-	-

Thái Thị Ban Mai
Người lập biểu

Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

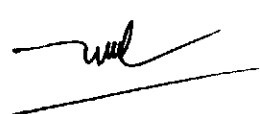
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND
Từ 01/01/2014
đến 30/6/2014
Trình bày lại

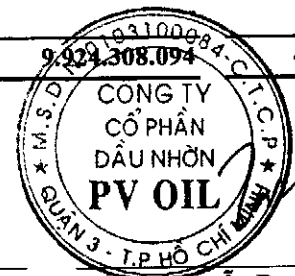
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Trình bày lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	217.546.967	541.712.904
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.168.219.316	1.150.984.455
Các khoản dự phòng	03	2.596.876.623	504.984.463
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(7.515.373)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(925.877.798)	(1.763.603.519)
Chi phí lãi vay	06	583.980.919	862.680.627
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.640.746.027	1.289.243.557
Thay đổi các khoản phải thu	09	(23.782.131.176)	(37.771.645.617)
Thay đổi hàng tồn kho	10	16.049.811.278	(12.213.355.603)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(25.013.991.039)	12.243.960.108
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	981.336.100	5.866.680.976
Tiền lãi vay đã trả	13	(583.980.919)	(862.680.627)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(664.006.371)	(718.782.698)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	444.850.366
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(228.000.000)	(758.540.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.600.216.100)	(32.480.269.844)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(475.524.134)	(1.301.300.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(40.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.000.000.000	20.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	925.877.798	1.763.603.519
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	55.450.353.664	(19.537.696.481)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.000.000.000	48.998.832.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.000.000.000)	(29.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(592.290.317)	(664.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.592.290.317)	18.834.292.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	257.847.247	(33.183.674.325)
Tiền đầu kỳ	60	9.666.460.847	78.110.695.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	7.515.373
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	9.924.308.094	44.934.536.197



Thái Thị Ban Mai
Người lập biểu



Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Huyên Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (trước đây là “Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Hóa dầu Dầu khí Vidamo.

Công ty được cổ phần hóa vào ngày 19 tháng 12 năm 2009 và trở thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103100084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận điều chỉnh. Tại ngày này, Công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo được đổi tên thành Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là “Công ty”) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 4 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 117 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 123 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, các chế phẩm bôi trơn chuyên dụng; Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ bôi trơn; Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phục vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn; Tư vấn và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn công nghiệp và dân dụng; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất, hóa chất dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nhựa đường; Đại lý kinh doanh xăng dầu bán buôn, bán lẻ; Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy, Đại lý kinh doanh LPG; Cho thuê kho bãi, văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Ngày 02 tháng 6 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-PVOILLUB-ĐHĐCĐ phê duyệt việc đăng ký lưu ký tập trung 100% cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để chuẩn bị cho việc đăng ký giao dịch tập trung trên sàn Upcom.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp là giá trị còn lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	<u>2015</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản cố định khác	5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí thuê cây xăng.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	579.640.064	1.707.427.620
Tiền gửi ngân hàng	9.344.668.030	7.959.033.227
	9.924.308.094	9.666.460.847

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - Than khoáng sản Việt Nam - Xi nghiệp Vật tư Cẩm Phả	19.785.216.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xuất nhập khẩu Hoà Bình	3.049.675.896	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.445.082.500	3.445.082.500
- Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	3.443.884.819	3.163.298.260
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12.710.760.071	16.442.425.530
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết được trình bày ở Thuyết minh 29)	2.677.047.003	1.184.016.316
	45.111.666.289	24.234.822.606

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Ký quỹ, ký cược	-	5.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.089.483.315	482.400.651
Phải thu lãi hoạt động đầu tư	250.000.000	250.000.000
Phải thu phí hỗ trợ thuê văn phòng tại Hà Nội	1.721.164.000	1.721.164.000
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	35.719.309	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	63.002.995	314.949.602
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (*)	23.674.432.600	23.674.432.600
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	-	690.625.000
Phải thu khác	326.085.680	242.441.028
	27.159.887.899	27.381.012.881

(*) Đây là khoản phải thu Tổng Công ty Dầu Việt Nam ("PV Oil") tương ứng với giá trị lợi thế vị trí mà Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trả về cho Công ty. Tuy nhiên, số tiền này hiện đang được giữ lại tại tài khoản của PV Oil trong khi chờ Công ty làm các thủ tục và thực hiện nghĩa vụ với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất tại số 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh theo Công văn số 5707/BTC-TCDN ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

	30/6/2015		31/12/2014		Đơn vị: VND Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	6.471.899.309	193.815.566	6.471.899.309	
<i>Trong đó</i>					
	107.790.572	53.895.286	107.790.572	53.895.286	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dầu nhờn Hà Nội
<i>Nợ quá hạn trên 1 năm</i>	250.000.000	75.000.000	250.000.000	75.000.000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao
	452.482.500	-	452.482.500	-	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt
Cộng	810.273.072	128.895.286	810.273.072	128.895.286	
	2.992.600.000	-	2.992.600.000	2.616.876.626	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt
	1.721.164.000	-	1.721.164.000	-	Công ty Bất động sản Dầu khí Hà Nội
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm</i>	97.283.200	-	97.283.200	-	Công ty Cổ phần - PACO
	119.273.999	-	119.273.999	-	Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bê - chứa dầu khí
	80.000.002	24.000.001	80.000.002	24.000.001	Công ty CP Đầu tư Thương mại Nam Vinh
	69.734.265	20.920.279	69.734.265	20.920.279	Công ty Cổ phần Vật tư và Du lịch YSH
Cộng	5.080.055.466	44.920.280	5.080.055.466	2.661.796.906	
	213.993.000	-	213.993.000	-	Công ty Cổ phần Phát Thuận Tường
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>	272.904.795	-	272.904.795	-	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC-Trường Sơn, Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu
	93.414.991	20.000.000	93.414.991	-	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bảo Lâm
	1.257.985	-	1.257.985	-	Công ty TNHH Lan Anh
Cộng	581.570.771	20.000.000	581.570.771	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	8.452.909.115
Nguyên liệu, vật liệu	26.124.188.517	28.009.978.740
Công cụ, dụng cụ	1.721.518.115	1.510.267.838
Thành phẩm	15.795.401.537	18.392.150.978
Hàng hóa	5.341.094.331	8.666.707.107
	<u>48.982.202.500</u>	<u>65.032.013.778</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	1.359.271.077	566.437.348
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	1.359.271.077	566.437.348
b) Dài hạn	30.825.008.646	32.251.491.591
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	21.070.245.010	21.306.989.338
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 8 Nguyễn Thái Học, thành phố Vũng Tàu	2.939.021.190	2.972.043.900
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 1 Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Phòng	945.357.490	1.134.428.992
- Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	885.831.373	1.285.012.676
- Chi phí thuê cây xăng số 249 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng	-	2.642.815.238
- Chi phí khác	4.984.553.583	2.910.201.447
	<u>32.184.279.723</u>	<u>32.817.928.939</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	550.659.276	10.923.784.951	(11.055.351.676)	419.092.551
Thuế thu nhập doanh nghiệp	616.301.481	70.448.996	(664.006.371)	22.744.106
Thuế thu nhập cá nhân	58.288.846	134.609.998	(116.014.249)	76.884.595
Thuế bảo vệ môi trường	905.783.660	4.810.525.294	(3.097.081.482)	2.619.227.472
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	<u>2.131.033.263</u>	<u>15.943.369.239</u>	<u>(14.936.453.778)</u>	<u>3.137.948.724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	28.711.779.475	12.780.841.333	10.266.627.227	484.417.589	2.062.529.228	54.306.194.852
Mua trong kỳ	-	184.500.000	244.660.500	46.363.634	-	475.524.134
Xóa sổ	(21.706.358)	-	-	(113.964.792)	-	(135.671.150)
Tại ngày 30/6/2015	28.690.073.117	12.965.341.333	10.511.287.727	416.816.431	2.062.529.228	54.646.047.836
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	23.302.120.529	11.849.829.711	5.336.108.546	462.883.822	1.608.656.058	42.559.598.666
Khấu hao trong kỳ	375.798.378	185.695.688	215.266.791	326.842.149	-	1.103.603.006
Xóa sổ	(21.706.358)	-	-	(113.964.792)	-	(135.671.150)
Tại ngày 30/6/2015	23.656.212.549	12.035.525.399	5.551.375.337	675.761.179	1.608.656.058	43.527.530.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	5.033.860.568	929.815.934	4.959.912.390	(258.944.748)	453.873.170	11.118.517.314
Tại ngày 31/12/2014	5.409.658.946	931.011.622	4.930.518.681	21.533.767	453.873.170	11.746.596.186

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.303.008.061 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 29.298.679.211 đồng).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	3.066.978.600	135.000.000	3.201.978.600
Tại ngày 30/6/2015	3.066.978.600	135.000.000	3.201.978.600
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.610.163.765	24.750.000	1.634.913.765
Khấu hao trong kỳ	51.116.310	13.500.000	64.616.310
Tại ngày 30/6/2015	1.661.280.075	38.250.000	1.699.530.075
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	1.405.698.525	96.750.000	1.502.448.525
Tại ngày 31/12/2014	1.456.814.835	110.250.000	1.567.064.835

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng	354.251.019	354.251.019	48.630.561	48.630.561
Công ty TNHH Hóa chất và môi trường Vũ Hoàng	274.817.750	274.817.750	274.817.750	274.817.750
Công ty TNHH nhựa cơ khí và thương mại Chấn Thuận Thành	536.157.985	536.157.985	497.225.300	497.225.300
Công ty TNHH Phúc Lộc Gulf Petroleum	330.073.339	330.073.339	190.127.300	190.127.300
Eweka International Pte. Ltd	-	-	6.697.614.535	6.697.614.535
Phải trả cho các đối tượng khác	1.698.883.387	1.698.883.387	1.034.161.829	1.034.161.829
b) Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 29)</i>	42.274.076.151	42.274.076.151	57.979.410.528	57.979.410.528
	45.468.259.631	45.468.259.631	68.287.155.083	68.287.155.083

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí hỗ trợ trang thiết bị quảng cáo	1.132.191.484	2.265.716.118
Trích trước chi phí đi thuê	545.982.000	1.012.869.833
Các khoản trích trước khác	370.292.843	502.126.345
	2.048.466.327	3.780.712.296

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp	104.674.524	150.041.242
Phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	571.082.591
Phải trả cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.303.169.682	1.115.460.000
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác (i)	550.000.000	550.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	168.000.000	168.000.000
Phải trả khác cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	23.674.432.600	23.674.432.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	718.039.550	379.764.657
	27.518.316.356	26.608.781.090

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Đây là cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt phát sinh từ năm 2012 nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thanh toán vì cổ đông này không đến nhận cổ tức sau khi nhận được thông báo trả lãi.

(ii) Phải trả khác cho Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thể hiện một phần của khoản phải trả tiền thuê lô đất với thời gian 50 năm tại 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	89.000.000.000	1.799.053.092	3.544.641.997	3.316.004.204	97.659.699.293
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.597.454.020	2.597.454.020
Chia cổ tức	-	-	-	(1.780.000.000)	(1.780.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	452.450.367	(904.900.733)	(452.450.366)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(214.592.202)	(214.592.202)
Số dư tại ngày 31/12/2014	89.000.000.000	1.799.053.092	3.997.092.364	3.013.965.289	97.810.110.745
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	147.097.971	147.097.971
Chia cổ tức	-	-	-	(1.780.000.000)	(1.780.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	710.836.206	(947.781.608)	(236.945.402)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	89.000.000.000	1.799.053.092	4.707.928.570	205.281.652	95.712.263.314

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 05/NQ-PVOLUB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành phân chia lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị với số tiền lần lượt là 710.836.206 đồng; 236.945.402 đồng và 228.000.000 đồng;

- Chia cổ tức năm 2014 trên 2% vốn lưu động với số tiền là 1.780.000.000 đồng.

Vốn cổ phần

	30/6/2015		31/12/2014	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	8.900.000	89.000.000.000	8.900.000	89.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>8.900.000</u>	<u>89.000.000.000</u>	<u>8.900.000</u>	<u>89.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ tức phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ tức phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ tức phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết về cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	55.773.000.000	62,67	55.773.000.000	62,67
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn Hà Nội	8.000.000.000	8,99	8.000.000.000	8,99
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5.000.000.000	5,62	5.000.000.000	5,62
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	3.000.000.000	3,37	3.000.000.000	3,37
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	1.925.000.000	2,22	1.925.000.000	2,22
Ông Trương Anh Hùng	2.000.000.000	2,25	2.000.000.000	2,25
Cổ đông khác	13.302.000.000	14,80	13.302.000.000	14,80
	89.000.000.000	100	89.000.000.000	100

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dầu mỡ nhờn và kinh doanh xăng dầu; hoạt động khác là cho thuê văn phòng. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Miền Nam	51.753.363.238	152.557.796.053
Văn phòng Hồ Chí Minh	51.753.363.238	152.557.796.053
Miền Trung	9.454.170.325	73.038.751.218
Chi nhánh Đà Nẵng	9.454.170.325	73.038.751.218
Miền Bắc	76.393.471.967	33.019.756.600
Chi nhánh Hà Nội	67.545.409.310	21.472.546.379
Chi nhánh Hải Phòng	8.848.062.657	11.547.210.221
	137.601.005.530	258.616.303.871

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	150.410.528.605	262.557.781.998
Thành phẩm dầu mỡ nhờn	86.691.339.316	84.240.188.542
Hàng hóa dầu mỡ nhờn	7.535.735.139	7.337.577.047
Hàng hóa xăng dầu	55.101.856.272	168.448.671.755
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	1.081.597.878	2.531.344.654
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.809.523.075	3.941.478.127
Chiết khấu thương mại	12.809.523.075	3.941.478.127
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.601.005.530	258.616.303.871

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thành phẩm dầu mỡ nhờn	56.360.150.012	62.244.336.424
Hàng hóa dầu mỡ nhờn	5.214.262.478	6.840.791.939
Hàng hóa xăng dầu	53.808.722.337	161.631.915.488
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	533.072.742	1.831.240.594
	115.916.207.569	232.548.284.445

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.698.182.867	116.669.981.096
Chi phí nhân công	8.714.868.152	11.476.082.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.168.219.316	1.150.984.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.102.137.251	7.893.959.399
Chi phí khác bằng tiền	7.888.224.346	6.167.262.876
	151.571.631.932	143.358.270.267

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	925.877.798	1.763.603.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.020.421	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	79.229.879
	938.898.219	1.842.833.398

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL
 Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
MẪU SỐ B 09a-DN

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay và lãi chậm nộp cổ phần hóa	583.980.919	862.680.627
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.660.866	105.448.945
Chi phí tài chính khác	72.249.683	-
	<u>759.891.468</u>	<u>968.129.572</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	70.448.996	127.756.921
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>70.448.996</u>	<u>127.756.921</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lợi nhuận trong năm (VND)	147.097.971	413.955.983
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu)	<u>8.900.000</u>	<u>8.900.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>-</u>	<u>-</u>

26. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong kỳ báo cáo, cơ quan thuế tiến hành thanh tra thuế tại Công ty theo Quyết định số 0182 ngày 01 tháng 6 năm 2015 cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014. Qua kết quả làm việc sơ bộ của Công ty với cơ quan thuế, Công ty có thể phải nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng cùng với các khoản phạt hành chính và chậm nộp có liên quan. Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa ghi nhận khoản chi phí này vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Công ty chưa xác định được giá trị này một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>288.288.000</u>	<u>811.685.200</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	505.491.288	2.243.510.400
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.272.337.969
	<u>505.491.288</u>	<u>3.515.848.369</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê thể hiện tiền thuê 319,41 m² tại khu đô thị mới Yên Hòa, thành phố Hà Nội với giá thuê 2.200 Đô la Mỹ/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2010.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị vào cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	9.924.308.094	9.666.460.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.031.470.448	47.990.628.370
Đầu tư tài chính	-	55.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	78.571.500	61.000.000
Tổng	<u>76.034.350.042</u>	<u>112.718.089.217</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	72.881.901.463	94.828.394.931
Chi phí phải trả	2.048.466.327	2.048.466.327
Tổng	<u>74.930.367.790</u>	<u>121.876.861.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.204.379.511	43.237.880	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ “tăng/giảm” một khoản tương ứng là 24.087.590 đồng (năm 2014 là 864.758 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015			
Tiền	9.924.308.094	-	9.924.308.094
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.031.470.448	-	66.031.470.448
Các khoản ký quỹ, ký cược	40.571.500	38.000.000	78.571.500
Tổng	75.996.350.042	38.000.000	76.034.350.042
30/6/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	72.881.901.463	-	72.881.901.463
Chi phí phải trả	2.048.466.327	-	2.048.466.327
Tổng	74.930.367.790	-	74.930.367.790
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.065.982.252	38.000.000	1.103.982.252

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	9.666.460.847	-	9.666.460.847
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.990.628.370	-	47.990.628.370
Đầu tư tài chính	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.000.000	56.000.000	61.000.000
Tổng	112.662.089.217	56.000.000	112.718.089.217
31/12/2014			
Các khoản vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	94.828.394.931	-	94.828.394.931
Chi phí phải trả	2.048.466.327	-	2.048.466.327
Tổng	121.876.861.258	-	121.876.861.258
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.214.772.041)	56.000.000	(9.158.772.041)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình vì hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan (Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty mẹ) như trình bày tại Thuyết minh số 29. Do đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty
Cổ phần
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nhà Bè
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty mẹ của PV Oil
Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	128.623.384	50.102.921.680
Các công ty trong cùng tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>33.137.711.812</u>	<u>2.387.215.878</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	45.885.577.197	164.131.155.447
Các công ty trong cùng tập đoàn PVN và các công ty con của PV Oil	<u>6.467.696.590</u>	<u>564.280.803</u>
Khác		
Lãi chậm nộp phải trả cho PV Oil	168.901.710	-
Chia cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	<u>1.115.460.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	25.507.914
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	59.574.241	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	4.766.602	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	21.099.103	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	-	412.119.660
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	213.978.600	48.849.152
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	697.539.590
Công ty Cổ phần Dầu khí MÊKONG	96.297.402	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần	177.654.924	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	117.963.635	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	365.331.878	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	114.966.224	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	443.914.589	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	<u>1.061.499.805</u>	-
	<u>2.677.047.003</u>	<u>1.184.016.316</u>
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	<u>23.674.432.600</u>	<u>23.674.432.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	41.393.121.206	57.811.275.356
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	9.300.000	154.432.100
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	532.946
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	-	3.267.136
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	-	3.066.736
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nhà Bè	13.723.055	5.983.863
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	-	852.391
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	2.474.300	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	821.192.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	26.413.222	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	6.044.960	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	1.807.408	-
	<u>42.274.076.151</u>	<u>57.979.410.528</u>
Các khoản phải trả khác		
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.230.920.000	1.115.460.000
Phải trả khác cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	72.249.683	571.082.591
	<u>2.303.169.683</u>	<u>1.686.542.591</u>

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 2.853.169.683 đồng (31/12/2014: 1.665.460.000 đồng), là số tiền cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên khoản mục Thay đổi các khoản phải trả.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL

Số 193/6A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Tài sản ngắn hạn	27.789.310.665	-	27.789.310.665
Phải thu ngắn hạn khác	26.893.612.230	487.400.651	27.381.012.881
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	408.297.784	408.297.784
Tài sản ngắn hạn khác	895.698.435	(895.698.435)	-
Tài sản dài hạn	56.000.000	-	56.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	56.000.000	56.000.000
Tài sản dài hạn khác	56.000.000	(56.000.000)	-
Nợ ngắn hạn	26.691.281.090	-	26.691.281.090
Doanh thu chưa thực hiện	-	82.500.000	82.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	26.691.281.090	(82.500.000)	26.608.781.090
Vốn chủ sở hữu	3.997.092.364	-	3.997.092.364
Quỹ đầu tư phát triển	2.604.331.872	1.392.760.492	3.997.092.364
Quỹ dự phòng tài chính	1.392.760.492	(1.392.760.492)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	268.037.490.176	(5.479.708.178)	262.557.781.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	9.421.186.305	(5.479.708.178)	3.941.478.127

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Thay đổi khoản phải thu	(38.259.046.268)	487.400.651	(37.771.645.617)
Thay đổi tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(271.139.655)	(487.400.651)	(758.540.306)


Thái Thị Ban Mai
Người lập biểu


Phan Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên
Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2015